

Bản án số: 560/2024/DS-PT

Ngày 22 tháng 7 năm 2024

V/v tranh chấp di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các thẩm phán:

Ông Ngô Đức Thọ

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1301/2022/DS-ST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2083/2024/QĐPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Xuan D (Dương Xuân D1, Dương Dung X), sinh năm 1967. Địa chỉ: B D, S, PA A, Hoa Kỳ (chết ngày 20/7/2023).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Dương Xuan D2:

1.1. Bà Lê Thị Phương L, sinh năm 1978. Địa chỉ: A N, Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

1.2. Trẻ Dương Phương L1 (Lisha P), sinh năm 2015; vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Dương Phương L2: Bà Lê Thị Phương L.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Phương L: Ông Nguyễn Hải Kim L3, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số A đường C (Lầu C), Phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Võ Hồng H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số A đường N, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2.2. Ông Võ Hồng T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số H đường T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

2.3. Bà MC Bride Gioi T1, sinh năm 1940. Địa chỉ: I Barrington Ct M, MN 55443-1741, USA; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phan Hồng Y, sinh năm 1987; vắng mặt.

3.2. Trẻ Võ Thiện M, sinh năm 2015; vắng mặt.

3.3. Trẻ Võ Gia K, sinh năm 2017; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của trẻ M và trẻ K: Ông Võ Hồng T và bà Phan Hồng Y; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số H đường T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hải Kim L3 - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và ông Võ Hồng H - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn - ông Duong Xuan D2 và lời khai trong suốt quá trình tham gia tố tụng của ông Nguyễn Hải Kim L3 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn như sau:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu Toà án giải quyết chia di sản thừa kế của bà Võ Thị T2 theo di chúc đối với nhà đất tọa lạc tại địa chỉ H T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về nguồn gốc: Nhà đất tọa lạc tại địa chỉ H T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Võ Thị T2. Bà T2 đã được Ủy ban nhân dân Quận E cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2308/2008/UB.GCN ngày 16/06/2008.

Bà Võ Thị T2 sinh năm 1936, chết ngày 20/11/2009. Trước khi chết, bà T2 có lập di chúc ngày 16/10/2009, di chúc được công chứng số 047576 tại Phòng C. Nội dung di chúc xác định: Sau khi bà T2 qua đời thì căn nhà được bán và chia làm 03 phần cho những người sau đây:

1. Ông Duong Xuan D2, sinh năm 1967 được hưởng 1/3 giá trị căn nhà.

2. Bà MC Bridge Gioi T3, sinh năm 1940 được hưởng 1/3 giá trị căn nhà.

3. Ông Võ Hồng H và ông Võ Hồng T được hưởng 1/3 giá trị căn nhà.

Bà T2 không có chồng, không có con, cha mẹ bà T2 đều đã chết.

Về giá trị tài sản tranh chấp là nhà đất H T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh: Nguyên đơn đồng ý với giá trị tài sản được định giá là 10.008.593.000 đồng theo Chứng thư thẩm định giá số Vc 22/03/92.5/BDS ngày 15/3/2022 của Công ty Cổ phần T6, địa chỉ C N, Phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn đồng ý hoàn lại cho ông Võ Hồng T chi phí sửa chữa nhà là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Đối với yêu cầu của ông Võ Hồng T về công sức gìn giữ, tôn tạo thì nguyên đơn không đồng ý.

Về phương thức chia, nguyên đơn đề nghị phát mãi tài sản theo quy định, do các bên không thỏa thuận được về việc hoàn lại kỹ phần cho nguyên đơn.

Bị đơn - ông Võ Hồng T trình bày như sau:

Ông T là cháu ruột bà Võ Thị T2 (đã mất). Bà T2 có lập di chúc để lại căn nhà 86B/7 Trần Bình T4 cho 04 người là bà MC Bridge Gioi T3, ông Duong Xuan D2, ông Võ Hồng T và ông Võ Hồng H. Đây cũng là căn nhà từ thời ông bà nội ông T và được bà T2 quản lý để thờ tổ tiên.

Trong các anh em, ông T là người được bà Bridge Gioi T3 chọn để ở trong căn nhà này sau khi bà T2 mất. Ông T đã sinh sống ổn định tại căn nhà H T từ năm 2010, đã có tiến hành xây sửa lại căn nhà. Chi phí xây sửa khoảng 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Ông T cũng đề nghị Tòa án xem xét công sức gìn giữ, tôn tạo nhà đất từ 2010 đến nay.

Tại nhà đất H T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh ngoài ông T ra còn có vợ là bà Phan Hồng Y, sinh năm 1987, và hai con là trẻ Võ Thiện M, sinh năm 2015 và trẻ Võ Gia K, sinh năm 2017 đang sinh sống. Vợ và con ông không có quá trình đóng góp gì đối với tài sản là nhà đất tọa lạc tại H T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông T đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn, đề nghị Tòa án chia thừa kế theo tỷ lệ. Đối với phần thừa kế của bà Bridge Gioi T3 thì ông T đồng ý quản lý và sau này giao lại cho bà B Gioi Thi khi bà có yêu cầu.

Về phương thức chia di sản: Ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Bị đơn - ông Võ Hồng H trình bày như sau:

Cô ruột ông Võ Hồng H là bà Võ Thị T2 (đã mất), bà T2 trước khi mất có di chúc để lại căn nhà H T cho 04 người là bà MC Bridge Gioi T3, ông Duong Xuan D2, ông Võ Hồng T và ông Võ Hồng H. Đây là căn nhà lâu năm do bà T2 quản lý từ rất lâu.

Vì bà MC Bridge Gioi T3 và ông Duong Xuan D2 đang ở Mỹ nên căn nhà do ông và ông Thanh quản l.

Tại Biên bản làm việc ngày 08/9/2017, ông H có ý kiến đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 1301/2022/DS-ST ngày 12/8/2022 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 678/2024/QĐ-TA ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Duong Xuan D2 (hoặc Dương Xuân D1 hoặc Dương Dung X).

1.1. Xác định di sản thừa kế của bà Võ Thị T2 (chết năm 2009) để lại là căn nhà số H T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận

quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2308/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận E cấp ngày 16/6/2008.

1.2. Những người được chia di sản gồm có:

- Ông Duong Xuan D2 (hoặc Dương Xuân D1 hoặc Duong Dung X), sinh năm 1967;
- Bà MC Bride Gioi T1, sinh năm 1940;
- Ông Võ Hồng H, sinh năm 1975;
- Ông Võ Hồng T, sinh năm 1981.

1.3. Di sản thừa kế được chia cụ thể như sau:

- Ông Duong Xuan D2 (hoặc Dương Xuân D1 hoặc Duong Dung X), sinh năm 1967: Được hưởng 1/3 giá trị di sản.
- Bà MC Bride Gioi T1, sinh năm 1940: Được hưởng 1/3 giá trị di sản.
- Ông Võ Hồng H, sinh năm 1975: Được hưởng 1/6 giá trị di sản.
- Ông Võ Hồng T, sinh năm 1981: Được hưởng 1/6 giá trị di sản.

Tạm giao phần thừa kế của bà MC Bride Gioi T1 là 1/3 giá trị di sản cho ông Võ Hồng Thanh quản lý.

1.4. Những người được hưởng thừa kế sẽ bán nhà và chia số tiền bán nhà theo tỷ lệ như trên (sau khi đã trừ các chi phí, lệ phí theo quy định pháp luật). Thời hạn tối đa để các đồng thừa kế thực hiện thủ tục khai nhận di sản nêu trên và bán di sản để chia là 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Hết thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu không thực hiện được việc bán di sản để chia theo phần thì bất kỳ đồng thừa kế nào trong số 04 người được hưởng di sản theo bản án này cũng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi di sản để chia theo tỷ lệ nêu trên.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nguyên đơn ông Duong Xuan D2 (hoặc Dương Xuân D1 hoặc Duong Dung X) trả cho bị đơn ông Võ Hồng T chi phí sửa chữa nhà với số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

3. Buộc nguyên đơn ông Duong Xuan D2 (hoặc Dương Xuân D1 hoặc Duong Dung X) phải trả cho bị đơn ông Võ Hồng T số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

4. Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà MC Bride Gioi T1 phải trả cho bị đơn ông Võ Hồng T số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

5. Buộc bị đơn ông Võ Hồng H phải trả cho bị đơn ông Võ Hồng T số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bị đơn ông Võ Hồng T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu nguyên đơn ông Duong Xuan D2 (hoặc Dương Xuân D1 hoặc Duong Dung X), bị đơn bà MC Bride Gioi T1, bị đơn ông Võ Hồng H chưa trả đủ số tiền như đã nêu trên thì còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 18/8/2022, bị đơn – ông Võ Hồng H kháng cáo bản án sơ thẩm cho rằng ông L3 đại diện ông D1 đã thực hiện công việc vượt quá phạm vi ủy quyền của ông D1. Cụ thể tại đơn kiện ông D1 chỉ yêu cầu chia tiền nhưng ông L3 đề nghị bán nhà để chia.

- Ngày 24/8/2022, ông Nguyễn Hải Kim L3 – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Dương Xuân D1 kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm về phần buộc ông D1 phải thanh toán cho ông T số tiền chi phí sửa chữa, nhà 150.000.000đ và 50.000.000đ chi phí công sức đóng góp tôn tạo, giữ gìn nhà đất là di sản thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và bị đơn – ông H không rút đơn kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày yêu cầu kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn. Cụ thể phía nguyên đơn không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc buộc nguyên đơn trả cho ông T số tiền 150.000.000đ chi phí sửa chữa nhà và 50.000.000đ tiền công sức giữ gìn nhà.

- Bị đơn - ông Võ Hồng H trình bày: Ông không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông, cụ thể: Xem xét lại việc ông L3 thực hiện công việc vượt quá phạm vi ủy quyền của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử chia giá trị nhà đất cho nguyên đơn một số tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà không phát mãi nhà để chia.

Tại phần tranh luận:

- Người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn tranh luận: Không đồng ý với kháng cáo của bị đơn. Đối với phần chi phí sửa chữa nhà 150.000.000đ và công sức giữ gìn nhà 50.000.000đ nguyên đơn chỉ đồng ý trả cho ông T khi các bên hòa giải thành, tuy nhiên các bên không hòa giải thành nên nguyên đơn không đồng ý trả khoản tiền này.

- Bị đơn - ông Võ Hồng H tranh luận: Ông L3 là người đại diện theo ủy quyền của ông D1, tuy nhiên ông L3 không làm theo nội dung yêu cầu khởi kiện của ông D1 mà tự ý yêu cầu số tiền lớn hơn rất nhiều so với yêu cầu khởi kiện ban đầu của ông D1 và hơn nữa là yêu cầu bán nhà. Ông L3 thực hiện công việc vượt quá phạm vi ủy quyền của ông D1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của chủ tọa, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và về nội dung như sau:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, chủ tọa, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bên

đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật, các bên đương sự kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của phía nguyên đơn và kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 1301/2022/DS-ST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2. Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt bị đơn - ông Võ Hồng T, bà MC Bride Gioi T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Phan Hồng Y. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn – ông H cho rằng ông Nguyễn Hải Kim L3 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Dương Xuân D1 không làm đúng theo nội dung ủy quyền của nguyên đơn.

[2.1] Căn cứ nội dung văn bản ủy quyền ngày 10/01/2014 của ông Dương Xuân D1 lập tại Hoa Kỳ thể hiện ông D1 ủy quyền cho ông Nguyễn Hải Kim L3 đại diện ông D1 với tư cách là nguyên đơn trong vụ kiện “*Tranh chấp di sản thừa kế*” giữa ông D1 với các bị đơn – ông Võ Hồng H, ông Võ Hồng T5, bà MC Bride Gioi T1 thì ông L3 được quyền thay mặt ông D1 tham gia tố tụng, được toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ án nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D1.

[2.2] Do đó, việc ông Nguyễn Hải Kim L3 đại diện ông D1 yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế theo di chúc của bà Võ Thị T2 cho ông D1 và các đồng thừa kế theo di chúc, đồng thời đề nghị phát mãi tài sản theo qui định do các bên không thỏa thuận được về việc hoàn tiền cho nguyên đơn là phù hợp với ý chí của nguyên đơn, không vượt quá phạm vi nội dung ủy quyền của nguyên đơn. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông D1 (là người ủy quyền) hoàn toàn không có bất cứ ý kiến gì về vấn đề này. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bị đơn – ông H cho rằng ông L3 thực hiện công việc được ủy quyền vượt quá phạm vi ủy quyền là không có căn cứ chấp chận.

[3] Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Nguyễn Hải Kim L3 (hiện nguyên đơn ông D1 đã chết, có người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng là bà Lê Thị Phương L và trẻ Dương Phương L2) vẫn tiếp tục ủy quyền ông Nguyễn Hải Kim L3 đại diện không đồng ý thanh toán chi phí, công sức đóng góp trong việc giữ gìn, tôn tạo nhà đất H T, Phường A, Quận E cho ông Võ Hồng T 50.000.000đ và không đồng ý về việc buộc ông D1 phải thanh toán số tiền 150.000.000đ chi phí sửa nhà 86 B T cho ông Võ Hồng T, thấy rằng:

[3.1] Bản án sơ thẩm số 1301/2022/DS-ST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn - ông Dương Xuân D1, xác định: Căn nhà số H T, Phường A, Quận E thuộc quyền sở hữu của bà Võ Thị T2, là di sản của bà Võ Thị T2 để lại; công nhận di chúc của bà Võ Thị T2 lập ngày 16/10/2009 là di chúc hợp pháp; chia di sản thừa kế là căn nhà gắn liền quyền sử dụng đất số H T, Phường A, Quận E cho các đồng thừa kế được chỉ định trong di chúc, cụ thể:

- + Ông Dương Xuân D1, sinh năm 1967, được hưởng 1/3 giá trị di sản;
- + Bà MC Bride Gioi T1, sinh năm 1940, được hưởng 1/3 giá trị di sản;
- + Ông Võ Hồng H, sinh năm 1975, được hưởng 1/6 giá trị di sản;
- + Ông Võ Hồng T, sinh năm 1981, được hưởng 1/6 giá trị di sản;

Tạm giao phần thừa kế của bà MC Bride Gioi T1 là 1/3 giá trị di sản cho ông Võ Hồng Thanh quản l1.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bên đương sự không ai kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị về phần này nên phần này Hội đồng xét xử không xét.

[3.2] Đối với kháng cáo của nguyên đơn về chi phí sửa chữa nhà: Căn cứ Biên bản phiên tòa sơ thẩm và bản án dân sự sơ thẩm ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện tại phiên tòa sơ thẩm ông Võ Hồng T có trình bày ý kiến về việc ông T đã bỏ chi phí sửa chữa nhà 150 triệu đồng và phía nguyên đơn có người đại diện hợp pháp là ông L3 cũng đồng ý hoàn trả cho ông T chi phí này. Do đó, bản án sơ thẩm đã ghi nhận sự thỏa thuận bên của các đương sự là phù hợp Điều 246 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Nay phía nguyên đơn kháng cáo thay đổi ý kiến không đồng ý hoàn trả số tiền này nhưng không chứng minh được việc nguyên đơn không tự nguyện nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo này của nguyên đơn.

[3.3] Đối với kháng cáo của nguyên đơn không đồng ý trả chi phí công sức đóng góp giữ gìn, coi sóc nhà cửa: Xét, bị đơn ông T có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các đồng thừa kế hoàn trả chi phí, công sức đóng góp giữ gìn nhà từ năm 2010 cho đến nay. Bản án sơ thẩm đã căn cứ lời khai của các đương sự xác định sau khi bà T2 mất, từ năm 2010, ông T đã về ở tại căn nhà H T theo đề nghị của những người được hưởng di sản của cụ T2; ông T đã có công sức đóng góp, giữ gìn coi sóc nhà cửa là di sản của bà T2 để lại. Do đó, đã buộc các đồng thừa kế hoàn trả chi phí giữ gìn, bảo quản nhà cho ông T số tiền theo tỉ lệ mỗi người được hưởng cụ thể: ông D1 và bà G mỗi người phải trả cho ông T số tiền 50.000.000đ, ông Võ Hồng H phải trả cho ông T số tiền 25.000.000đ là phù hợp qui định 618 Bộ luật dân sự 2015 và Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, việc phía ông D1 kháng cáo không đồng ý hoàn trả số tiền này cho ông T là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về việc bị đơn - ông Võ Hồng H kháng cáo đề nghị chia phần di sản cho nguyên đơn được hưởng bằng tiền, không đồng ý phát mãi di sản.

[4.1] Căn cứ lời khai thống nhất của các bên đương sự thì hiện ông T là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng nhà 86B/7 T. Kỳ phần của ông T được chia chiếm 1/6 di sản, ông T cũng không yêu cầu chia hiện vật. Các đồng thừa kế khác cũng

không ai có đề nghị chia hiện vật và hoàn lại giá trị kỷ phần cho các đồng thừa khác nên Bản án sơ thẩm đã tuyên trong hạn 06 tháng nếu không thực hiện bán di sản để chia theo phần thì một trong các đồng thừa kế được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát nhà đất trên để thi hành án là đúng qui định của pháp luật và đảm bảo quyền, lợi ích của các đồng thừa kế.

[4.2] Tại cấp phúc thẩm cũng không có đương sự nào có yêu cầu được chia hiện vật và hoàn giá trị cho các đồng thừa kế theo tỉ lệ đã được phân chia để được trọn quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất trên. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo trên của bị đơn – ông H.

[5] Từ sự phân tích tại mục [2] đến mục[4.2], thấy rằng bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật. Phía ông D1, ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn (nay là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn) và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1301/2022/DS-ST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn và bị đơn – ông H. Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên toà, được chấp nhận.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn – ông H không được Tòa chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 634, Điều 635, Điều 638, Điều 640, Điều 648, Điều 652, Điều 653, Điều 667 Bộ luật dân sự 2005; Điều 618 Bộ luật dân sự 2015; Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn (nay là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn) và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn – ông Võ Hồng H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 1301/2022/DS-ST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định sửa

chữa, bổ sung bản án số 678/2024/QĐ-TA ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Duong Xuan D2 (hoặc Dương Xuân D1 hoặc Dương Dung X).

1.2. Xác định di sản thừa kế của bà Võ Thị T2 (chết năm 2009) để lại là căn nhà số H T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2308/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận E cấp ngày 16/6/2008.

1.3. Những người được chia di sản gồm có:

- Ông Duong Xuan D2 (hoặc Dương Xuân D1 hoặc Dương Dung X), sinh năm 1967;
- Bà MC Bride Gioi T1, sinh năm 1940;
- Ông Võ Hồng H, sinh năm 1975;
- Ông Võ Hồng T, sinh năm 1981.

1.4. Di sản thừa kế được chia cụ thể như sau:

- Ông Duong Xuan D2 (hoặc Dương Xuân D1 hoặc Dương Dung X), sinh năm 1967: Được hưởng 1/3 giá trị di sản.
- Bà MC Bride Gioi T1, sinh năm 1940: Được hưởng 1/3 giá trị di sản.
- Ông Võ Hồng H, sinh năm 1975: Được hưởng 1/6 giá trị di sản.
- Ông Võ Hồng T, sinh năm 1981: Được hưởng 1/6 giá trị di sản.

Tạm giao phần thừa kế của bà MC Bride Gioi T1 là 1/3 giá trị di sản cho ông Võ Hồng Thanh quản lý.

1.5. Những người được hưởng thừa kế sẽ bán nhà và chia số tiền bán nhà theo tỷ lệ như trên (sau khi đã trừ các chi phí, lệ phí theo quy định pháp luật). Thời hạn tối đa để các đồng thừa kế thực hiện thủ tục khai nhận di sản nêu trên và bán di sản để chia là 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Hết thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu không thực hiện được việc bán di sản để chia theo phần thì bất kỳ đồng thừa kế nào trong số 04 người được hưởng di sản theo bản án này cũng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi di sản để chia theo tỷ lệ nêu trên.

1.6. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nguyên đơn ông Duong Xuan D2 (hoặc Dương Xuân D1 hoặc Dương Dung X, nay là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông D1) trả cho bị đơn ông Võ Hồng T chi phí sửa chữa nhà với số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

1.7. Buộc nguyên đơn ông Duong Xuan D2 (hoặc Dương Xuân D1 hoặc Dương Dung X nay là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông D1) phải trả cho bị đơn ông Võ Hồng T số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

1.8. Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà MC Bride Gioi T1 phải trả cho bị đơn ông Võ Hồng T số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

1.9. Buộc bị đơn ông Võ Hồng H phải trả cho bị đơn ông Võ Hồng T số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bị đơn ông Võ Hồng T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu nguyên đơn ông Duong Xuan D2 (hoặc Dương Xuân D1 hoặc Duong Dung Xuan nay là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông D1), bị đơn bà MC Bride Gioi T1, bị đơn ông Võ Hồng H chưa trả đủ số tiền như đã nêu trên thì còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả.

1.10. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Duong Xuan D2 (hoặc Dương Xuân D1 hoặc Duong Dung Xuan nay là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông D1) phải chịu số tiền 98.723.953 (chín mươi tám triệu bảy trăm hai mươi ba ngàn chín trăm năm mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000 (bảy triệu năm trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số AG/2010/04743 ngày 21/01/2013 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Duong Xuan D2 (hoặc Dương Xuân D1 hoặc Duong Dung Xuan nay là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông D1) còn phải nộp thêm số tiền 91.223.953 (chín mươi một triệu hai trăm hai mươi ba ngàn chín trăm năm mươi ba) đồng.

- Bà MC Bride Gioi T1: Phải chịu số tiền 98.723.953 (chín mươi tám triệu bảy trăm hai mươi ba ngàn chín trăm năm mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Võ Hồng H: Phải chịu số tiền 62.042.965 (sáu mươi hai triệu không trăm bốn mươi hai ngàn chín trăm sáu mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Võ Hồng T: Phải chịu số tiền 62.042.965 (sáu mươi hai triệu không trăm bốn mươi hai ngàn chín trăm sáu mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và bị đơn – ông Võ Hồng H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn, bị đơn đã nộp theo các biên lai thu số 0002476 ngày 13/10/2023, biên lai thu số 0002472 ngày 12/10/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi căn trừ, nguyên đơn, bị đơn – ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định thi được hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh ;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP , hồ sơ vụ án, PQH.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hoa